

GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

LÊ HỮU TOÀN
Học viện Hàng không Việt Nam

Nhận bài ngày 25/6/2026. Sửa chữa xong 10/7/2026. Duyệt đăng 15/7/2026.

Abstract

This study assesses the current state of physical education at Vietnam Aviation Academy as a basis for proposing measures to improve its quality. A literature review, interviews, and statistical analysis were employed to examine the existing facilities, teaching staff, curriculum, and students' extracurricular sports activities. The findings indicate that the facilities available for teaching and training are relatively diverse but meet only basic needs. Although the teaching staff possess strong professional qualifications, the number of full-time lecturers remains insufficient. The physical education curriculum is organized on an elective basis and generally corresponds to students' learning needs. Students participate in physical activities primarily because of their interest in sports and desire to improve their health. Football and pickleball are the most frequently selected sports, while self-directed practice and participation in sports clubs are the preferred forms of engagement. These findings provide an empirical basis for proposing measures to improve facilities, enhance teaching quality, and promote extracurricular sports activities at Vietnam Aviation Academy.

Keywords: Physical education, students, Vietnam Aviation Academy.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục thể chất (GDTC) là một bộ phận quan trọng của giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục đại học, góp phần phát triển thể lực, nâng cao sức khỏe, hình thành nhân cách và xây dựng lối sống lành mạnh cho sinh viên (SV) (Chính phủ, 2015; Quốc hội, 2019). Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021), công tác GDTC không chỉ dừng lại ở việc trang bị kỹ năng vận động mà còn hướng tới hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao (TDTT) thường xuyên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Học viện Hàng không Việt Nam là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực hàng không và nhiều ngành kinh tế - kỹ thuật khác. Với đặc thù nghề nghiệp đòi hỏi người học có sức khỏe tốt, thể lực bền bỉ và khả năng thích ứng cao với môi trường làm việc, việc nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất (GDTC) và phát triển phong trào TDTT trong nhà trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng (Chính phủ, 2015; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới giáo dục và sự gia tăng quy mô đào tạo, công tác GDTC của Học viện vẫn còn những hạn chế về cơ sở vật chất (CSVC), đội ngũ giảng viên (GV), chương trình giảng dạy cũng như hiệu quả tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Học viện Hàng không Việt Nam thông qua các nội dung: CSVC, đội ngũ GV, chương trình môn học và hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của SV. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện SV trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán học thống kê. (Nguyễn Đức Văn, 2011).

Email: Toanlh@vaa.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất tại Học viện Hàng không Việt Nam

Để tài tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng CSVC tại Học viện Hàng không Việt Nam, kết quả được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: Thực trạng về CSVC phục vụ công tác GDTC và thể thao tại Học viện Hàng không Việt Nam

TT	Sân bãi	Số lượng	Diện tích
1	Sân bóng đá	01	700m
2	Sân bóng chuyền	02	400m
3	Sân bóng rổ	01	550m
4	Sân pickleball	03	500m
5	Sân tập võ	02	400m
6	Sân tập Aerobic	02	150m

Kết quả ở bảng 1 cho thấy Học viện Hàng không Việt Nam hiện có 11 sân bãi tập luyện với tổng diện tích khoảng 2.700 m², bao gồm các môn thể thao phổ biến như bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, Pickleball, võ thuật và Aerobic. Cơ cấu sân bãi khá đa dạng, phản ánh định hướng phát triển GDTC theo hướng mở rộng sự lựa chọn cho SV.

Xét về số lượng, sân Pickleball chiếm tỷ lệ cao nhất với 03 sân, tương đương 27,3% tổng số sân bãi. Điều này cho thấy Học viện đã có sự quan tâm đến xu hướng phát triển của môn Pickleball – một môn thể thao đang được SV và giới trẻ ưa chuộng trong những năm gần đây. Các sân bóng chuyền, sân tập võ và sân Aerobic đều có 02 sân, chiếm 18,2% mỗi loại, trong khi sân bóng đá và sân bóng rổ chỉ có 01 sân.

Về diện tích, sân bóng đá có quy mô lớn nhất với 700 m², chiếm khoảng 25,9% tổng diện tích CSVC thể thao. Tiếp theo là sân bóng rổ với 550 m² (20,4%) và sân Pickleball với 500 m² (18,5%). Mặc dù số lượng sân Pickleball nhiều nhất, diện tích trung bình mỗi sân chỉ khoảng 166,7 m², phù hợp với đặc điểm kỹ thuật của môn thể thao này. Ngược lại, sân Aerobic có diện tích nhỏ nhất (150 m²), chỉ chiếm 5,6% tổng diện tích, cho thấy không gian dành cho các hoạt động thể dục nhịp điệu còn hạn chế.

Do vậy, CSVC phục vụ công tác GDTC tại Học viện Hàng không Việt Nam mới đáp ứng ở mức cơ bản cho hoạt động giảng dạy chính khóa. Mặc dù có sự đa dạng về loại hình sân bãi, nhưng quy mô và mức độ đồng bộ còn chưa tương xứng với nhu cầu học tập và tập luyện của SV. Thực trạng này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức giờ học, hoạt động ngoại khóa và phong trào thể thao SV.

2.2. Đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất của Học viện Hàng không Việt Nam

Để tài đã tiến hành khảo sát thực trạng đội ngũ GV GDTC tại Học viện Hàng không Việt Nam. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2: Thực trạng đội ngũ GV GDTC tại Học viện Hàng không Việt Nam

Trình độ chuyên môn			
Tiến sĩ		Thạc sĩ	
n	Tỷ lệ %	- 04: cơ hữu - 05: thỉnh giảng	Tỷ lệ %
01: cơ hữu	10	09	90
Tỷ lệ GV/SV			1 GV/450 SV

Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ GV GDTC của Học viện Hàng không Việt Nam hiện có 10 GV, bao gồm 01 tiến sĩ (10%), 04 GV thạc sĩ cơ hữu (40%) và 05 GV thạc sĩ thỉnh giảng (50%). Như vậy, 100% GV đều có trình độ sau đại học, phản ánh chất lượng chuyên môn của đội ngũ giảng dạy ở mức khá cao và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

Trong cơ cấu đội ngũ, số lượng GV thỉnh giảng chiếm tỷ lệ cao nhất (50%), trong khi GV cơ hữu chỉ chiếm 40%. Điều này cho thấy Học viện vẫn phải dựa vào nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng nhu cầu giảng dạy GDTC. Mặc dù việc sử dụng GV thỉnh giảng giúp bổ sung nguồn lực và tăng tính linh hoạt trong tổ chức giảng dạy, nhưng cũng có thể ảnh hưởng đến tính ổn định, sự thống nhất trong quản lý chuyên môn và việc triển khai các hoạt động GDTC lâu dài.

Bên cạnh đó, tỷ lệ 01 GV/450 SV cho thấy khối lượng giảng dạy của mỗi GV tương đối lớn. Với đặc thù của môn GDTC đòi hỏi hướng dẫn trực tiếp, theo dõi kỹ thuật vận động và đảm bảo an toàn trong quá trình tập luyện, tỷ lệ này có thể tạo áp lực đáng kể đối với GV, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy, kiểm tra đánh giá và tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

2.3. Chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam

SV học 3 học phần tự chọn, mỗi học phần gồm 30 tiết. Gồm có các môn tự chọn như sau: Bóng đá; Bóng chuyền; Bóng rổ; Pickleball; Aerobic; Võ Vovinam cơ bản; Võ Vovinam nâng cao; Võ cổ truyền Việt Nam cơ bản; Võ cổ truyền Việt Nam nâng cao (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).

2.3.1. Mục tiêu chung

Học phần GDTC nhằm trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về rèn luyện thân thể, kỹ năng thực hành các môn thể thao, góp phần nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao khả năng học tập và làm việc, đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện của giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

- Hiểu được vai trò, ý nghĩa của GDTC đối với sức khỏe, học tập và nghề nghiệp.
- Nắm được những kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện, phòng chống chấn thương và tự rèn luyện thể lực.

b. Về kỹ năng

- Thực hiện đúng kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao trong chương trình đào tạo.
- Vận dụng kiến thức để xây dựng kế hoạch tự tập luyện phù hợp với điều kiện và thể trạng cá nhân.
- Phát triển các tố chất thể lực như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo.

c. Về thái độ

- Hình thành ý thức tự giác, tích cực và thường xuyên tham gia hoạt động thể dục thể thao.
- Rèn luyện tinh thần kỷ luật, ý thức tổ chức, tác phong làm việc nhóm và tinh thần fair-play trong học tập và thi đấu.
- Xây dựng lối sống lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu quả học tập.
- Yêu cầu môn học: Đối với yêu cầu với SV phải tham dự lớp học tối thiểu 80% số giờ lên lớp, nếu không đủ sẽ không được dự thi cuối học kỳ và phải học lại học phần này;
- Cách tính điểm học phần môn GDTC: 50% điểm kiểm tra + 50% điểm thi cuối kỳ.

2.4. Hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam

2.4.1. Động cơ tham gia tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa

Đề tài đã tiến hành xác định động cơ tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của SV theo 2 nhóm tiêu chí (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020), kết quả được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3: Kết quả khảo sát động cơ tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của SV năm thứ nhất Học viện Hàng không Việt Nam năm học 2025-2026

TT	Nội dung phỏng vấn	SV năm thứ nhất	
		n (4.500 SV)	Tỷ lệ %
1	Động cơ tham gia tập luyện		
	Yêu thích	1.575	35%
	Tăng cường sức khỏe	1.260	28%
	Giảm cân	450	10%
	Nâng cao năng lực vận động	540	12%
	Thói quen vận động	360	8%
	Nhu cầu học tập	225	5%
	Động cơ khác	90	2%
2	Các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới động cơ tập luyện		
	Hoạt động thể thao trường học	972	21,6%
	Ảnh hưởng của truyền thông	711	15,8%
	Ảnh hưởng của trường học	846	18,8%
	Ảnh hưởng của gia đình, bạn bè	675	15%
	Sự hấp dẫn của môn thể thao	945	21%
	Ảnh hưởng của ngôi sao thể thao	216	4,8%
	Yếu tố khác	135	3%

Kết quả khảo sát trên 4.500 SV năm thứ nhất cho thấy động cơ tham gia tập luyện thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa của SV khá đa dạng, phản ánh cả nhu cầu về sức khỏe, tâm lý và học tập. Trong đó, yêu thích thể thao là động cơ chiếm tỷ lệ cao nhất với 35% (1.575 SV), chứng tỏ phần lớn SV tham gia tập luyện xuất phát từ sở thích và hứng thú cá nhân. Đây là yếu tố thuận lợi để duy trì thói quen luyện tập lâu dài và góp phần hình thành lối sống tích cực.

Động cơ tăng cường sức khỏe đứng thứ hai với 28% (1.260 SV). Kết quả này phản ánh nhận thức ngày càng cao của SV về vai trò của hoạt động thể chất trong việc nâng cao sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật và cải thiện chất lượng cuộc sống. Hai động cơ “yêu thích” và “tăng cường sức khỏe” chiếm tổng cộng 63%, cho thấy phần lớn SV tham gia tập luyện vì những giá trị tích cực và bền vững.

Các động cơ khác có tỷ lệ thấp hơn gồm nâng cao năng lực vận động (12%), giảm cân (10%), thói quen vận động (8%) và nhu cầu học tập (5%). Điều này cho thấy mặc dù SV đã nhận thức được lợi ích của TDTT, song mục tiêu phát triển năng lực vận động hay phục vụ yêu cầu học tập chưa thực sự trở thành động lực chính. Đặc biệt, chỉ 2% SV lựa chọn các động cơ khác, chứng tỏ các nhóm động cơ khảo sát đã phản ánh tương đối đầy đủ nhu cầu thực tế của người học.

2.4.2. Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến động cơ tập luyện

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động thể thao trong nhà trường là yếu tố có tác động lớn nhất với 21,6% (972 SV), tiếp theo là sự hấp dẫn của môn thể thao (21%) và ảnh hưởng của nhà trường (18,8%). Điều này khẳng định môi trường giáo dục và chất lượng tổ chức các hoạt động TDTT đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích SV tham gia tập luyện.

Bên cạnh đó, ảnh hưởng của truyền thông (15,8%) và gia đình, bạn bè (15%) cũng có tác động đáng kể đến động cơ tập luyện. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, các phương tiện truyền thông và mạng xã hội đã góp phần lan tỏa hình ảnh tích cực về hoạt động TDTT, đồng thời gia đình và bạn bè tiếp tục là những nhân tố tạo động lực và duy trì thói quen vận động của SV. Ngược lại, ảnh hưởng của các ngôi sao thể thao chỉ đạt 4,8%, trong khi các yếu tố khác chiếm 3%, cho thấy đây chưa phải là

những nhân tố có sức ảnh hưởng lớn đối với SV năm thứ nhất của Học viện.

Kết quả khảo sát cho thấy động cơ tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của SV chủ yếu xuất phát từ nhu cầu nội tại như yêu thích thể thao và nâng cao sức khỏe. Đồng thời, môi trường giáo dục, các hoạt động thể thao của nhà trường và sức hấp dẫn của môn thể thao là những yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng mạnh nhất đến việc hình thành và duy trì động cơ tập luyện. Điều này phản ánh rằng việc nhà trường xây dựng được môi trường thể thao tích cực, đa dạng và hấp dẫn sẽ góp phần nâng cao tỷ lệ SV tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa.

Bảng 4: Kết quả xác định nhu cầu và hình thức tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của SV năm thứ nhất Học viện Hàng không Việt Nam năm học 2025 – 2026

1	Môn thể thao tập luyện ngoại khóa		
	Bóng đá	1.125	25%
	Bóng chuyền	675	15%
	Bóng rổ	495	11%
	Pickleball	720	16%
	Aerobic	450	10%
	Võ Vovinam	405	9%
	Các môn khác	630	14%
2	Hình thức tham gia tập luyện ngoại khóa		
	Tự tập luyện	2.115	47%
	Tập luyện theo câu lạc bộ	1.620	36%
	Tập luyện theo đội tuyển	765	17%
3	Nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khóa theo CLB		
	Rất thích	1.710	38%
	Thích	2.070	46%
	Không thích	720	16%

Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của SV năm thứ nhất Học viện Hàng không Việt Nam khá đa dạng, phản ánh sự khác biệt về sở thích, điều kiện tập luyện và mục tiêu rèn luyện của người học.

2.4.3. Về môn thể thao được lựa chọn

Bóng đá là môn có tỷ lệ SV tham gia cao nhất với 1.125 SV (25%), cho thấy đây vẫn là môn thể thao có sức hấp dẫn lớn đối với SV nhờ tính phổ biến, dễ tổ chức và phù hợp với hoạt động tập thể. Đứng thứ hai là Pickleball với 720 SV (16%), phản ánh xu hướng phát triển nhanh của môn thể thao này trong giới trẻ những năm gần đây. Tiếp theo là bóng chuyền (15%) và các môn thể thao khác (14%), cho thấy nhu cầu tập luyện của SV ngày càng đa dạng và không chỉ tập trung vào các môn thể thao truyền thống.

Trong khi đó, bóng rổ thu hút 11%, Aerobic chiếm 10% và Võ Vovinam đạt 9%. Mặc dù tỷ lệ tham gia của các môn này thấp hơn, song vẫn phản ánh sự quan tâm của một bộ phận SV đến các hoạt động phát triển thể lực, kỹ năng vận động và rèn luyện sức khỏe theo nhu cầu cá nhân. Nhìn chung, sự phân bố tương đối đồng đều giữa các môn thể thao cho thấy SV có xu hướng lựa chọn môn học phù hợp với sở thích và điều kiện tập luyện hơn là chỉ tập trung vào một số môn phổ biến.

2.4.4. Hình thức tham gia tập luyện ngoại khóa

Kết quả khảo sát cho thấy tự tập luyện là hình thức được lựa chọn nhiều nhất với 2.115 SV (47%). Điều này phản ánh tính chủ động và linh hoạt của SV trong việc sắp xếp thời gian cũng như lựa chọn địa điểm tập luyện phù hợp với lịch học. Tập luyện theo câu lạc bộ đứng thứ hai với 1.620 SV (36%), cho thấy mô hình câu lạc bộ thể thao vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường giao lưu, rèn luyện kỹ năng và duy trì thói quen vận động thường xuyên. Trong khi đó, tập luyện theo đội tuyển chỉ

chiếm 17%, phù hợp với đặc điểm đây là hình thức dành cho nhóm SV có năng lực chuyên môn hoặc định hướng thi đấu.

Đối với nhu cầu tham gia tập luyện theo câu lạc bộ, đa số SV thể hiện thái độ tích cực. Cụ thể, 46% SV cho biết thích tham gia câu lạc bộ TDTT và 38% rất thích, nâng tổng tỷ lệ có nhu cầu tham gia lên tới 84%. Chỉ 16% SV không thích tham gia theo mô hình câu lạc bộ. Kết quả này chứng minh hoạt động câu lạc bộ thể thao có sức hấp dẫn lớn đối với SV và là hình thức tổ chức phù hợp để phát triển phong trào TDTT trong nhà trường.

Kết quả khảo sát cho thấy SV năm thứ nhất Học viện Hàng không Việt Nam có nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa khá cao và đa dạng. Bóng đá vẫn là môn thể thao được lựa chọn nhiều nhất, trong khi Pickleball đang nổi lên như một xu hướng mới thu hút đông đảo SV. Hình thức tự tập luyện được ưu tiên nhờ tính linh hoạt, nhưng hoạt động câu lạc bộ cũng nhận được sự quan tâm rất lớn với 84% SV bày tỏ yêu thích hoặc rất yêu thích. Điều này cho thấy câu lạc bộ TDTT là mô hình có tiềm năng phát triển mạnh trong môi trường đại học.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác GDTC tại Học viện Hàng không Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực. CSVC phục vụ giảng dạy và tập luyện được đầu tư theo hướng đa dạng hóa các loại hình sân bãi; đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, 100% đạt trình độ sau đại học; chương trình GDTC được tổ chức theo hình thức tự chọn, tạo điều kiện cho SV lựa chọn môn học phù hợp với sở thích và năng lực.

Bên cạnh những ưu điểm, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế như quy mô CSVC còn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và tập luyện của số lượng lớn SV; tỷ lệ GV cơ hữu còn thấp, khối lượng giảng dạy của mỗi GV tương đối cao; hoạt động thể thao ngoại khóa tuy phát triển nhưng vẫn cần được tổ chức thường xuyên, đa dạng và có sức lan tỏa mạnh hơn.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa vì yêu thích thể thao và nâng cao sức khỏe; bóng đá và Pickleball là những môn được lựa chọn nhiều nhất; hình thức tự tập luyện và tham gia câu lạc bộ được SV ưu tiên. Đây là những điều kiện thuận lợi để Học viện tiếp tục phát triển phong trào TDTT, xây dựng môi trường học tập năng động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, Học viện Hàng không Việt Nam cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp CSVC phục vụ GDTC; tăng cường đội ngũ GV cơ hữu; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của người học; mở rộng hệ thống câu lạc bộ thể thao và tổ chức thường xuyên các hoạt động, giải thi đấu TDTT nhằm hình thành thói quen tập luyện lâu dài, nâng cao sức khỏe và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.*

Chính phủ (2015). *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường.*

Nguyễn Đức Văn (2011). *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao.* NXB Thể dục thể thao.

Quốc hội (2018). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.* Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.

Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục.* Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.